TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST
Ngày: 24-8-2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Công Hoan**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Bá Tiến**

Ông **Huỳnh Bá Quý**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Bích Hậu -** Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 24/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn Tp Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST- KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2018 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH D**

Địa chỉ: phường P, quận T, TP. Hồ Chí Minh;

Đại theo pháp luật: Ông Nguyễn Kim Đ – Chức vụ: Giám đốc

Đại diện ủy quyền: Bà Châu Việt V và ông Trương Phương N. Địa chỉ: 99 N, quận C, thành phố Đà Nẵng theo văn bản ủy quyền lập ngày 30/10/2017. Bà V và ông N cùng có mặt.

Bị đơn: **Tổng Công ty Xây dựng B**

Địa chỉ: 162 T, phường M, quận N, TP. Hà Nội.

Đại theo pháp luật: Ông Phạm Việt C – Chức vụ: Tổng giám đốc - Vắng mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***:**

- Chi nhánh Vận tải & Thi công cơ giới – Tổng Công ty Xây dựng B. Địa chỉ cũ: Tổ 12 Đ, phường K, quận N, TP. Đà Nẵng; Địa chỉ mới: 162 T, phường M, quận N, TP. Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình L – Chức vụ: Giám đốc - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2018, các bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Châu Việt V và ông Trương Phương N trình bày:

Ngày 02 tháng 01 năm 2017, Chi nhánh Công ty TNHH D và Chi nhánh Vận tải và Thi công cơ giới – Tổng công ty xây dựng B có ký kết với nhau Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐ/DNHCM-CG/2017 về việc Chi nhánh Công ty D cung cấp dầu mỡ nhờn của các hãng Shell, Total... cho chi nhánh Công ty B với thời gian và phương thức thanh toán cụ thể như sau:

Thời gian giao hàng trước 05 ngày kể từ thời điểm hai bên đồng ý xác nhận Đơn đặt hàng. Chi nhánh Công ty B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ tiền hàng cho Chi nhánh Công ty D trước 30 ngày sau khi nhận được hàng.

Thực hiện theo nội dung hợp đồng, từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/08/2017 Chi nhánh Công ty B có đặt các Đơn đặt hàng, cụ thể:

Lần 1: Đơn đặt hàng số 01HCM/2017 vào ngày 23/03/2017 với Đơn giá bao gồm thuế VAT 10% là 24.762.650 đồng.

Lần 2: Đơn đặt hàng số 02HCM/2017 vào ngày 17/04/2017 với Đơn giá bao gồm thuế VAT 10% là 81.343.680 đồng

Lần 3: Đơn đặt hàng số 03HCM/2017 vào ngày 15/05/2017 với Đơn giá bao gồm thuế VAT 10% là 92.593.050 đồng.

Công ty chúng tôi đã tiến hành giao hàng hóa theo đúng nội dung Đơn đặt hàng và xuất cho Chi nhánh Công ty B các Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000309, Hóa đơn giá trị gia tăng 0000325, Hóa đơn giá trị gia tăng 0000334 của các Đơn đặt hàng nêu trên, phía Chi nhánh Công ty B cũng đã ký xác nhận vào Biên bản nhận đủ hàng hóa. Đồng thời, Chi nhánh Công ty B cũng đã tiến hành thanh toán với công ty chúng tôi các lần thanh toán như sau:

Lần 1: Ngày 22/03/2017, thanh toán 50.000.000đ.

Lần 2: Ngày 27/04/2017, thanh toán 50.000.000đ.

Lần 3: Ngày 12/05/2017, thanh toán 77.298.666đ.

Ngày 08/11/2017, Tổng Công ty xây dựng B đã có công văn phúc đáp số 1984/CV-LCC-CNo với nội dung sẽ thanh toán số tiền nợ là 142.593.050đ cho công ty chúng tôi chậm nhất ngày 31/01/2018 (trước tết Nguyên Đán) hoặc sau khi có nguồn thanh toán về Tổng công ty xây dựng B.

Ngày 13/02/2018 Chi nhánh Công ty B đã thanh toán số tiền là 30.000.000đ cho công ty chúng tôi. Số tiền Chi nhánh Công ty B còn nợ công ty chúng tôi là 112.593.050đ (một trăm mười hai triệu năm trăm chín ba ngàn không trăm năm mươi đồng).

Thời gian chậm trả số nợ 142.593.050đ: 01/09/2017 đến 13/02/2018 (166 ngày).

Thời gian chậm trả số nợ 112.593.050 đồng: 13/02/2018 đến 05/04/2018 (51 ngày).

"*Quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm*".

Buộc Chi nhánh Công ty B xây dựng thanh toán khoản tiền lãi chậm trả là: $142.593.050 \times \frac{9\%}{365} \times 166 + 112.593.050 \times \frac{9\%}{365} \times 51 = 7.252.444$đ

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty TNHH D yêu cầu Tòa án tuyên buộc Tổng Công ty xây dựng B trả cho Công ty chúng tôi số tiền 119.845.494đ. (trong đó nợ gốc là 112.593.050đ và nợ lãi là 7.252.444đ).

Công ty TNHH D thống nhất không tính lãi tiếp theo đối với số nợ trên. Sau này khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu Tổng Công ty xây dựng B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì sẽ áp dụng mức lãi theo quy định pháp luật.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của Công ty TNHH D với nội dung như trên, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải. Tuy nhiên, Tổng Công ty xây dựng B vẫn không có bản trình bày và không tham gia các phiên hòa giải. Do đó, Tòa án không biết được quan điểm của Tổng Công ty xây dựng B đối với yêu cầu nêu trên của nguyên đơn và không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án Kinh doanh thương mại về: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" giữa các bên đương sự. Căn cứ Điều 6 của hợp đồng số 01/HĐ/DNHCM-CG/2017, các bên đã thỏa thuận: *" Trường hợp không đạt được thỏa thuận chung, sẽ đưa ra tòa án có thẩm quyền tại TP Đà Nẵng xét xử"*. Như vậy, Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại điểm b Điều 39 của bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Tổng Công ty xây dựng B theo thủ tục chung, Tổng Công ty xây dựng B phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình.

Thực tế hợp đồng được ký giữa Chi nhánh Công ty TNHH D và Chi nhánh Vận tải và Thi công cơ giới – Tổng công ty xây dựng B. Nhưng theo quy định tại Điều 45 luật

Doanh nghiệp 2014 thì Chi nhánh là đơn vị trực thuộc của Tổng công ty. Do vậy, Tổng công ty xây dựng B là bị đơn trong vụ án này.

[2] Về nội dung tranh chấp :

Vào ngày 02 tháng 01 năm 2017, Chi nhánh Công ty TNHH D (Gọi tắt là Chi nhánh Công ty D) và Chi nhánh Vận tải và Thi công cơ giới – Tổng công ty xây dựng B có ký kết với nhau Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐ/DNHCM-CG/2017 về việc Chi nhánh Công ty D cung cấp dầu mỡ nhờn của các hãng Shell, Total cho chi nhánh Công ty B. Đây là quan hệ dân sự về: "Hợp đồng mua bán hàng hóa" được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ lời trình bày của Công ty TNHH D và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía nguyên đơn đã giao đủ số hàng theo đơn đặt hàng và bị đơn đã thanh toán các lần như sau:

Lần 1: Ngày 22/03/2017, thanh toán 50.000.000đ.

Lần 2: Ngày 27/04/2017, thanh toán 50.000.000đ.

Lần 3: Ngày 12/05/2017, thanh toán 77.298.666đ (còn nợ 142.593.050đ).

Đến ngày 13/02/2018, thanh toán thêm 30.000.000đ .

Số tiền Chi nhánh Công ty B còn nợ Công ty TNHH D là 112.593.050đ và theo trình bày của nguyên đơn đã tính lãi đối với số tiền chậm trả tổng cộng là 7.252.444đ (có chi tiết ở phần trên) theo mức lãi suất cơ bản là 9,0%/năm. Tại phiên tòa, Công ty TNHH D yêu cầu Tòa án tuyên buộc Tổng Công ty xây dựng B trả cho Công ty TNHH D số tiền 119.845.494đ. (trong đó nợ gốc là 112.593.050đ và nợ lãi là 7.252.444đ).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt trực tiếp thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, Tổng Công ty xây dựng B vẫn không tham gia các phiên hòa giải nên Tòa án không biết được ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trên cơ sở hồ sơ tài liệu chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp với số tiền nợ gốc 112.593.050đ là có cơ sở theo bản đối chiếu công nợ lập ngày 05/9/2017 được hai Công ty xác nhận. Đối với yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 9%/năm là mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định. HĐXX xét thấy đủ cơ sở để áp dụng Điều 45 luật Doanh nghiệp, Điều 50 Luật thương mại, Điều 357, Bộ luật dân sự tuyên buộc Tổng Công ty xây dựng B phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH D số tiền 112.593.050đ nợ gốc và 7.252.444đ nợ lãi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Công ty TNHH D thống nhất không tính lãi tiếp theo đối với số nợ trên. Sau này khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu Tổng Công ty xây dựng B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì sẽ áp dụng mức lãi theo quy định pháp luật. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn không trái pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D đối với Tổng Công ty xây dựng B được HĐXX chấp nhận nên Tổng Công ty xây dựng B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 119.845.494đ x 5% = 5.992.000đ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 45 luật Doanh nghiệp, Điều 50 Luật Thương mại, Điều 357 Bộ luật Dân sự, Điều 147, 227, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* của Công ty TNHH D đối với Tổng Công ty xây dựng B.

Tuyên xử:

[1] Buộc Tổng Công ty xây dựng B phải trả cho Công ty TNHH D số tiền 119.845.494đ (một trăm mười chín triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc là 112.593.050đ và nợ lãi là 7.252.444đ.

[2] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Tổng Công ty xây dựng B phải chịu 5.992.000đ *(năm triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).*

[4] Hoàn trả lại cho Công ty TNHH D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ theo biên lai thu số: 1592 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

[**5**]Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự
- Chi cục THADS quận NHS,
- VKSND quận NHS
- Lưu hồ sơ.

Trần Công Hoan

<u>Nơi nhận</u>:
- VKSND QNHSơn
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Công Hoan